

Số: **165** /KH-UBND

Bắc Kạn, ngày **27** tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2018

Căn cứ Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới năm 2018 trên địa bàn tỉnh được hiệu quả, thiết thực, huy động được sức mạnh của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân tham gia, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018 là căn cứ để các Sở, ban, ngành, Đoàn thể; UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018; phát huy vai trò trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động sự tham gia trực tiếp của người dân, khắc phục khó khăn để thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo bước chuyển biến căn bản trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong năm 2018; triển khai đồng bộ các giải pháp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới trên cùng một địa bàn.

Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và tổ chức thực hiện các tiêu chí; đồng thời chủ động đánh giá và thẩm định các tiêu chí tại 8 xã phân dấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

UBND các huyện, thành phố tập trung huy động các nguồn lực và vận động nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định.

II. MỤC TIÊU

- Phân đầu năm 2018 số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm 08 xã (*xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông; xã Bình Văn, huyện Chợ Mới; xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn; xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn; xã Bộc Bó, xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm; xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể; xã Hào Nghĩa, huyện Na Rì*), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 17 xã (chiếm 15,5%).

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của 9 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- 93 xã còn lại, mỗi xã hoàn thành thêm ít nhất 01 tiêu chí nông thôn mới trở lên.

- Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được/xã: ít nhất đạt 10,9 tiêu chí.

- Không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

- Phân đầu mỗi xã xây dựng ít nhất 1 thôn đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

(Chi tiết tại biểu số 01, 02 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Đối với 9 xã đã được công nhận xã nông thôn mới

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch chi tiết để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, đảm bảo giữ vững 19 tiêu chí và tổ chức triển khai thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 theo hướng dẫn tại Công văn số 337/HD-BCĐ ngày 07/9/2017 của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh.

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ và cải tạo vệ sinh môi trường nông thôn; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội nông thôn...

2. Đối với 8 xã trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018

UBND các huyện tập trung chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực thực hiện, phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi, phụ trách từng tiêu chí, từng địa bàn; tổ chức phê duyệt kế hoạch, theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá theo định kỳ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề ra các giải pháp hiệu quả thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí; tổ chức thẩm định, đánh giá các tiêu chí theo quy định; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trên địa bàn 8 xã trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các xã đẩy nhanh phát triển sản xuất, tăng thu nhập, giữ gìn cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp ứng với các tiêu chí thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, môi trường và an toàn thực phẩm.

3. Nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí

3.1. Tiêu chí Quy hoạch: Các xã tổ chức rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo đề cương hướng dẫn của Sở Xây dựng tại Công văn số 1622/SXD-QH ngày 29/11/2017. Đồng thời, chỉnh trang lại các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, hiện đại, bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống; có môi trường xanh, sạch, đẹp.

3.2. Tiêu chí Giao thông: Tập trung chỉ đạo thực hiện 127 danh mục công trình đường giao thông nông thôn từ nguồn vốn đầu tư phát triển chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức phát động phong trào làm đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Huy động nhân dân tích cực tham gia thi công các tuyến đường nông thôn, nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn, đảm bảo thuận lợi cho lưu thông, thúc đẩy giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Phần đầu có thêm 8 xã hoàn thành tiêu chí Giao thông, lũy kế 27/110 xã đạt tiêu chí.

3.3. Tiêu chí Thủy lợi: Tập trung thực hiện 40 danh mục công trình kênh mương nội đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; huy động lồng ghép, thực hiện hiệu quả các nguồn vốn đầu tư về thủy lợi, đảm bảo duy trì hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho sản xuất.

Phần đầu có thêm 9 xã hoàn thành tiêu chí Thủy lợi, lũy kế 93/110 xã đạt tiêu chí.

3.4. Tiêu chí Điện: Nâng cấp hệ thống đường dây điện, đảm bảo an toàn, tăng cường công tác quản lý sử dụng điện nông thôn, đến hết năm 2018 tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 97%.

Phần đầu có thêm 5 xã hoàn thành tiêu chí Điện, lũy kế 89/110 xã đạt tiêu chí.

3.5. Tiêu chí Trường học: Tiếp tục nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, duy tu, bảo dưỡng các công trình trường, lớp học đảm bảo đáp ứng tốt công tác dạy và học.

Phần đầu có thêm 11 xã hoàn thành tiêu chí Trường học, lũy kế 27/110 xã đạt tiêu chí.

3.6. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa: Rà soát thực trạng cơ sở vật chất văn hóa tại các địa phương, nâng cấp, xây dựng nhà văn hóa xã, thôn theo chuẩn

nông thôn mới, đồng thời xây dựng, bổ sung các thiết chế văn hóa, đảm bảo đáp ứng điều kiện hội họp, vui chơi, giải trí của người dân. Tập trung thực hiện 89 danh mục công trình về cơ sở vật chất văn hóa từ nguồn vốn đầu tư phát triển chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Phần đầu có thêm 8 xã hoàn thành tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, lũy kế 18/110 xã đạt tiêu chí.

3.7. Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tiếp tục rà soát, nâng cấp hệ thống chợ nông thôn, các điểm mua bán, trao đổi hàng hóa tại các xã.

Phần đầu có thêm 4 xã hoàn thành tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, lũy kế 92/110 xã đạt tiêu chí.

3.8. Tiêu chí thông tin và truyền thông: Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông; lồng ghép các nguồn vốn để nâng cấp hệ thống trạm truyền thanh xã, hệ thống loa truyền thanh thôn, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống truyền thanh đảm bảo đáp ứng việc cung cấp thông tin, liên lạc cho nhân dân.

Phần đầu có thêm 11 xã hoàn thành tiêu chí Thông tin và Truyền thông, lũy kế 83/110 xã đạt tiêu chí.

3.9. Tiêu chí Nhà ở dân cư: Huy động các nguồn lực hỗ trợ, vận động nhân dân sửa chữa, làm mới nhà, nhất là các hộ gia đình có nhà tạm, nhà dột nát.

Phần đầu có thêm 16 xã hoàn thành tiêu chí Nhà ở dân cư, lũy kế 54/110 xã đạt tiêu chí.

3.10. Tiêu chí Thu nhập: Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và các xã lộ trình đạt chuẩn đến năm 2020. Động viên nhân dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, sản xuất tăng vụ kết hợp với phát triển chăn nuôi; đẩy mạnh liên kết sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng thu nhập trên diện tích canh tác.

Phần đầu có thêm 07 xã hoàn thành tiêu chí Thu nhập, lũy kế 31/110 xã đạt tiêu chí.

3.11. Tiêu chí Hộ nghèo: Triển khai thực hiện các Chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập đối với các hộ nghèo nhằm cải thiện kinh tế, tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn; tạo điều kiện để hộ nghèo được tiếp cận với các dịch vụ xã hội; người nghèo được hưởng đầy đủ và kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Phần đầu năm 2018 giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,7%/năm, trong đó các huyện nghèo phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 04%; có thêm 08 xã hoàn thành tiêu chí Hộ nghèo, lũy kế 34/110 xã đạt tiêu chí.

3.12. Tiêu chí Lao động có việc làm: Tiếp tục duy trì tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn khu vực nông thôn đạt trên 90%.

Phần đầu có thêm 05 xã hoàn thành tiêu chí Lao động có việc làm, lũy kế 107/110 xã đạt tiêu chí.

3.13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất: Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh việc phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức liên kết sản xuất gắn với thị trường đảm bảo an toàn, bền vững.

Các xã rà soát, củng cố lại các hợp tác xã trên địa bàn xã theo Luật HTX năm 2012, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đảm bảo bền vững.

Phần đầu có thêm 23 xã hoàn thành tiêu chí Tổ chức sản xuất, lũy kế 60/110 xã đạt tiêu chí.

3.14. Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo: Duy trì, phát huy kết quả phổ cập giáo dục, tập trung nâng cao các tiêu chí phổ cập giáo dục, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm nâng cao chất lượng lao động.

Phần đầu có thêm 5 xã hoàn thành tiêu chí Giáo dục và Đào tạo, lũy kế 87/110 xã đạt tiêu chí.

3.15. Tiêu chí Y tế: Xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang, bổ sung trang thiết bị y tế đạt chuẩn quốc gia tại 8 xã; Năm 2018 tăng thêm 8 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; tỷ lệ người dân tham gia đóng BHYT đạt trên 94%.

Phần đầu có thêm 6 xã hoàn thành tiêu chí Y tế, lũy kế 93/110 xã đạt tiêu chí.

3.16. Tiêu chí Văn hóa: Triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đi vào chiều sâu, thiết thực nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất trong phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Làng, bản văn hóa”. Tỷ lệ làng, thôn đạt “làng văn hóa” trên 65%, tỷ lệ hộ gia đình đạt “gia đình văn hóa” trên 83%.

Phần đầu có thêm 26 xã hoàn thành tiêu chí Văn hóa, lũy kế 81/110 xã đạt tiêu chí.

3.17. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm: Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và quản lý, khai thác, bảo vệ tốt công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng điểm thu gom rác thải.

Phần đầu mỗi xã xây dựng ít nhất 01 thôn đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm. Tiếp tục tổ chức thực hiện các nội dung đã cam kết và đăng ký phần đầu hoàn thành tiêu chí cần ít kinh phí năm 2018.

3.18. Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã đạt chuẩn; duy trì và phát huy có hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở. Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ và giúp đỡ người dân tiếp cận pháp luật, thực thi quyền, nghĩa vụ công dân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng; thực hiện bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ những người dễ tổn thương trong xã hội.

Phần đầu có thêm 32 xã hoàn thành tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, lũy kế 65/110 xã đạt tiêu chí.

3.19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh tại khu vực nông thôn theo các hình thức phù hợp với từng địa phương. Vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, giữ vững an ninh, trật tự xã hội; đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực nông thôn.

Phần đầu có thêm 15 xã hoàn thành tiêu chí Quốc phòng và an ninh, lũy kế 96/110 xã đạt tiêu chí.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí huy động: 344.969 triệu đồng.

- Nguồn Ngân sách hỗ trợ trực tiếp: 207.092 triệu đồng (ngân sách trung ương 152.700 triệu đồng, ngân sách địa phương 54.392 triệu đồng).

- Nguồn lồng ghép: 94.857 triệu đồng.

- Huy động từ doanh nghiệp, HTX và các tổ chức kinh tế khác: 78 triệu đồng.

- Huy động trong nhân dân: 42.892 triệu đồng.

- Vốn huy động khác: 50 triệu đồng.

(chi tiết theo biểu 03 kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm; đôn đốc các xã thực hiện các tiêu chí theo lộ trình kế hoạch; tổ chức đánh giá các tiêu chí theo quy định.

2. Đẩy mạnh đa dạng hóa và cải tiến hình thức nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tạo thành một phong trào rộng khắp, thu hút được sự tham gia đông đảo, nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân, sự góp sức của các tổ chức chính trị; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới.

3. Tập trung nguồn lực cho các xã trong lộ trình kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trên địa bàn.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách phát triển sản xuất; xây dựng các mô hình, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp... đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Triển khai, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

5. Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án “mỗi xã, phường một sản phẩm”, phát triển mạnh các mô hình, dự án liên kết sản xuất với các công ty, doanh nghiệp theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản.

6. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao số lượng, chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; quan tâm chỉ đạo cải thiện môi trường, phát triển giáo dục, y tế, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 theo hướng dẫn đối với 9 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

7. Củng cố hệ thống tổ chức quản lý, chỉ đạo các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu trong triển khai hiệu quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác phối hợp giữa Sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ cấp tỉnh đến cơ sở, trên nội dung, tài liệu đào tạo, tập huấn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và của tỉnh; phấn đấu nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp.

9. Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị được giao giúp đỡ các xã tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới; đồng thời đánh giá kết quả thực hiện gắn với trách nhiệm của ngành, đơn vị, cán bộ phụ trách tiêu chí theo trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu theo quy định của Tỉnh ủy Bắc Kạn tại Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 14/7/2017 và cam kết đã ký.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các Sở, ban, ngành; thành viên Ban chỉ đạo tỉnh

1.1. Các Sở, ban, ngành; thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh

- Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí xây dựng mới theo phân công tại Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị được giao thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thẩm định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí nông thôn mới theo phân công cụ thể tại phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch này.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo các văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình MTQG và các văn bản liên quan khác.

- Tiếp tục tuyên truyền, phát động và thực hiện các phong trào về xây dựng nông thôn mới trong cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tốt kế hoạch giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới theo Công văn số 381-CV/TU ngày 09/9/2016 của Tỉnh ủy Bắc Kạn phân công các cơ quan, đơn vị giúp đỡ các xã khó khăn trong xây dựng nông thôn mới.

- Các ngành, các cấp tổ chức sơ kết phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020” theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho UBND tỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn rà soát điều chỉnh chủ trương đầu tư danh mục dự án thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn); tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và giai đoạn 2019 - 2020.

1.3. Sở Tài chính: chủ trì thẩm định phương án phân bổ nguồn vốn sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018, tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

1.4. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì:

- Hướng dẫn thực hiện nội dung phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo hiệu quả, kịp thời.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trình kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa IX) xem xét, điều chỉnh Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 - 2020.

- Rà soát, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 - 2020 để triển khai phù hợp quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

1.5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền lồng ghép nội dung về xây dựng nông thôn mới; tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng nông thôn mới, nhằm thúc đẩy và thực hiện hiệu quả, thắng lợi phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Mặt trận Tổ quốc tỉnh hướng dẫn cơ sở thực hiện tốt việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong quá trình xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo thực chất, khách quan.

1.6. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Báo Bắc Kạn: Tăng thời lượng tuyên truyền, số lượng tin, bài... về tình hình triển khai xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” và các gương điển hình trong xây dựng nông thôn mới.

1.7. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tổ chức triển khai các nội dung hoạt động của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; xây dựng phương án phân bổ chi tiết nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; rà soát, đánh giá cụ thể danh sách xã dự kiến đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 – 2020.

- Cụ thể hóa quy định về nội dung trọng tâm xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo định hướng của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện kế hoạch này của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo trung ương, Văn phòng Điều phối nông thôn mới trung ương, Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới và nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp theo chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới của trung ương.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, tiến độ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới theo quy định.

- Tham mưu Đoàn thẩm định của tỉnh tổ chức kiểm tra, thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, hoàn thiện và trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố

- Tiếp tục duy trì xã đạt chuẩn, tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới; đẩy nhanh việc thực hiện 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới tại các xã, trong đó tập trung vào 8 xã trong lộ trình đạt chuẩn năm 2018. Tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp tích cực tham gia, hưởng ứng

chương trình xây dựng nông thôn mới theo các hình thức thiết thực, hiệu quả.

- Đối với 08 xã trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, UBND các huyện tập trung chỉ đạo hoàn thành các nội dung công việc theo kế hoạch chi tiết, huy động các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo lộ trình kế hoạch; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn để đảm bảo đạt kế hoạch năm 2018; chủ động phối hợp với các sở, ngành phụ trách tiêu chí, đánh giá, thẩm tra các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo đúng theo quy định.

- Tập trung nguồn lực ưu tiên các xã đăng ký phấn đấu hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới năm 2018 (theo biểu 01), lựa chọn ít nhất một thôn đến hai thôn/xã để thực hiện hoàn thành tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và giúp đỡ các xã thực hiện hiệu quả các tiêu chí; nhất là đối với các tiêu chí cần ít kinh phí hỗ trợ theo cam kết đã ký.

- Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định. Tăng cường đôn đốc tiến độ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giám nghèo tỉnh).

- Chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2018, xác định rõ lộ trình thực hiện đối với từng tiêu chí, giải pháp thực hiện tiêu chí đăng ký hoàn thành năm 2018 và đề ra các giải pháp cụ thể thực hiện nhóm tiêu chí thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, môi trường và an toàn thực phẩm; thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình đã được bố trí vốn; thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, tiêu chí cần ít kinh phí hỗ trợ theo cam kết đã ký.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2018, yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- TTTU, TTHĐND;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- Các đơn vị chưa có TD-Office;

Gửi bản điện tử:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VPĐP XD NTM & GN tỉnh;
- Đài PTTH Bắc Kạn;
- Báo Bắc Kạn;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, KT.

Qu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

Phụ lục 01:



PHÂN CÔNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ THẨM ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 165 /KH-UBND ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

1. Sở Xây dựng: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 1 quy hoạch, tiêu chí số 9 nhà ở dân cư, chỉ tiêu 17.4 mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

2. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định tiêu chí số 2 giao thông.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 3 thủy lợi, chỉ tiêu 13.2 xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững, chỉ tiêu 17.1 tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (nội dung tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh), chỉ tiêu 17.8 tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; phối hợp thẩm định tiêu chí số 1 quy hoạch.

4. Sở Công Thương: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 4 điện, tiêu chí số 7 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 5 trường học, chỉ tiêu 14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; chỉ tiêu 14.2 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Tiêu chí số 12 lao động có việc làm; chỉ tiêu 14.3 tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo; chỉ tiêu 18.6. đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định chỉ tiêu 13.1 xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; phối hợp thẩm định tiêu chí số 10 thu nhập.

9. Sở Y tế: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định tiêu chí số 15 y tế, chỉ tiêu 17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (nội dung tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định); Phối hợp thẩm định chỉ tiêu 17.8 tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: chỉ tiêu 17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; chỉ tiêu 17.3 Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; chỉ tiêu 17.5 Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; chỉ tiêu 17.7 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; Phối hợp thẩm định tiêu chí số 1 quy hoạch.

11. Sở Nội vụ: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Chỉ tiêu 18.1 cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; chỉ tiêu 18.2 có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; chỉ tiêu 18.3 đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"; chỉ tiêu 18.4 tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

12. Sở Tư pháp: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: Chỉ tiêu 18.5 Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định: tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 16 văn hóa.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Phụ trách thẩm định chỉ tiêu 19.1 xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

15. Công an tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định chỉ tiêu 19.2 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

16. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định tiêu chí số 11 hộ nghèo.

17. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, phụ trách thẩm định chỉ tiêu 17.6 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

18. Cục Thống kê tỉnh: Phụ trách thẩm định tiêu chí số 10 thu nhập.

19. Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn các hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; tư vấn, hỗ trợ xã xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững; phối hợp thẩm định tiêu chí số 13 tổ chức sản xuất.



PHÂN ĐÁU THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 165 /KH-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên xã	Đăng ký phân đấu thực hiện đạt tiêu chí năm 2018	Kết quả thực hiện tiêu chí xây dựng NTM năm 2017																	Tổng tiêu chí đạt dự kiến năm 2018	
			Tổng số tiêu chí đạt	Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng TM NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá		Môi trường và an toàn thực phẩm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
I	H. Chợ Mới	31																			
1	Yên Cư	17	8	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	0	1	0	1	0	1	9
2	Yên Hân	17	10	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	1	1	1	0	1	11
3	Bình Văn	6,9,10,11,13,16,17,18,19	10	1	1	1	1	1	0	1	1	0	0	1	0	1	1	0	0	0	19
4	Như Cố	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
5	Quảng Chu	9,17	9	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	11
6	Yên Đĩnh	2,3,15,17	8	1	0	0	1	1	0	1	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	12
7	Thanh Bình	13,17	11	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0	1	13
8	Nông Thịnh	15,17	10	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	12
9	Nông Hạ	10,17	12	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	14
10	Cao Kỳ	5,18	8	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	0	1	1	0	0	0	10
11	Hòa Mục	13	9	1	0	0	1	0	0	1	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	10
12	Tân Sơn	17	8	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	1	9
13	Thanh Mai	5,13	9	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	1	1	1	0	0	11
14	Mai Lạp	15	7	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	1	0	1	0	0	8
15	Thanh Vân	13,19	11	1	1	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	13
II	H. Ba Bể	24																			
16	Hà Hiệu	2,5,6,7,16,17,18,19	11	1	0	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	19
17	Chu Hương	3,12,16,18	5	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	9
18	Khang Ninh	2,9	10	1	0	1	1	1	0	0	1	0	0	1	0	1	1	1	0	1	12
19	Bánh Trách	3	7	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	8

STT	Tên xã	Đang ký phân đấu thực hiện đạt tiêu chí năm 2018	Kết quả thực hiện tiêu chí xây dựng NTM năm 2017																			Tổng tiêu chí đạt dự kiến năm 2018
			Tổng số tiêu chí đạt	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng TM NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và TCPL	
20	Cao Thượng	4,8	6	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	8	
21	Địa Linh	13	11	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	1	1	0	1	12	
22	Mỹ Phương	18	9	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	1	0	0	1	10	
23	Hoàng Trì	12	7	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	8	
24	Phúc Lộc	3	6	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	7	
25	Quảng Khê	8,16	7	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	9	
26	Nam Mẫu	13	8	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	9	
27	Yên Dương	7	8	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	1	1	0	0	0	9	
28	Đồng Phúc	14	7	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	8	
29	Thượng Giáo	16	10	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	8	
30	Cao Trì	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	
III H. Chợ Đồn			49																			
31	Xuân Lạc	5,7,16	3	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	5	
32	Nam Cường	14,16,19	6	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	9	
33	Đông Lạc	16,17	7	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	9	
34	Quảng Bạch	16,18	9	1	0	1	0	0	0	1	0	1	0	1	1	1	0	0	0	1	11	
35	Tân Lập	13,18	6	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	8	
36	Ngọc Phái	13,17	10	1	0	1	1	1	0	1	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	12	
37	Yên Thịnh	11,18	9	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0	11	
38	Yên Thượng	9,17	11	1	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	0	13	
39	Bản Thi	4,6	8	1	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	0	0	10	
40	Phượng Viên	13,19	10	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	1	1	0	0	12	
41	Bằng Phúc	3,9	7	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	9	
42	Rà Bản	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	
43	Đông Viên	5,6,7,8,16,17,18	12	1	1	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	0	0	0	19	
44	Đại sáo	5,18	5	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	7	
45	Yên Mỹ	9,18	7	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	9	
46	Yên Nhuận	3,19	9	1	0	0	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	1	0	1	0	11	



Kết quả thực hiện tiêu chí xây dựng NTM năm 2017

STT	Tên xã		Tổng số tiêu chí đạt	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng TM NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và TCPL	Quốc Phòng và an ninh	Tổng tiêu chí đạt dự kiến năm 2018
47	Bằng Lăng	2,3,13	11	1	0	0	1	0	0	1	0	1	0	1	1	0	1	1	1	0	1	1	14
48	Phong Huân	15,17	8	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	1	10
49	Lương Bằng	13,17	10	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	1	1	12
50	Bình Trung	9,19	9	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	1	0	11
51	Nghĩa Tá	3,11,16,18	7	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	11
IV H. Ngân Sơn			24																				
52	Vân Tùng	2,5,8,14,16,17,18	12	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	0	0	0	1	19
53	Cốc Đán	14,18	7	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	9
54	Thượng Ân	19	7	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	1	0	8
55	Bằng Vân	5,9,16,17,19	10	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	1	15
56	Đức Vân	6,18,19	10	1	0	1	1	0	0	1	0	1	0	0	1	1	1	1	1	0	0	0	13
57	Thượng Quan	18	7	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	8
58	Thuận Mang	19	7	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	8
59	Hương Nê	14	6	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	1	7
60	Lãng Ngâm	16,18	8	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	1	10
61	Trung Hòa	18,19	5	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	7
V TP. Bắc Kạn			2																				
62	Dương Quang	15,17	14	1	0	1	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	0	1	1	16
63	Nông Thượng	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
VI H. Na Ri			32																				
64	Hào Nghĩa	5,6,7,8,10,11,17	12	1	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	1	1	0	1	1	19
65	Quang Phong	17	11	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	1	1	1	0	0	1	12
66	Xuân Dương	16,18	8	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	1	10
67	Lạng Sơn	9	11	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	1	12
68	Lương Hà	17	11	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	1	1	0	1	0	0	1	12
69	Vân Minh	17	11	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	12
70	Ấn Tinh	17	9	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	1	10
71	Lương Thành	16	10	1	0	0	1	0	0	1	0	1	0	0	1	1	1	1	0	0	1	1	11
72	Đồng Xá	13,16,17	8	1	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	1	1	0	0	0	1	11
73	Lam Sơn	18	10	1	0	0	1	0	0	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	0	0	0	11

STT	Tên	Đảng ủy nhân dân thực hiện, đạt tiêu chí năm 2018	Kết quả thực hiện tiêu chí xây dựng NTM năm 2017																		Tổng tiêu chí đạt dự kiến năm 2018		
			Tổng số tiêu chí đạt	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng TM NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá	Môi trường và an toàn thực phẩm		Hệ thống chính trị và TCPL	Quốc Phong và an ninh
96	Cẩm Giăng	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	
97	Quang Thuận	XD kế hoạch duy trì 19 TC đã đạt	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	
98	Phượng Linh	10,13	16	1	1	1	1	1	0	1	1	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1	18	
99	Tân Tiến	5, 6, 8, 10, 11, 16	13	1	1	1	1	0	0	1	0	1	0	0	1	1	1	1	0	1	1	1	19
100	Cao Sơn	9, 16	7	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	9
101	Vũ Muộn	9, 12	8	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	10	
102	Sỹ Bình	8, 16	8	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	1	10	
103	Vĩ Hương	17, 18	8	1	0	1	1	0	0	1	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	10	
104	Lục Bình	8, 13	8	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	10	
105	Tứ Trĩ	2	11	1	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	1	0	1	1	1	12	
106	Hà Vị	9, 18	11	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0	0	1	13	
107	Nguyễn Phúc	17, 18	10	1	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	12	
108	Mỹ Thanh	12	6	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	7	
109	Dương Phong	9, 11	11	1	1	1	1	0	0	1	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	1	13	
110	Đồn Phong	13, 15, 16, 18	5	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	9	
TỔNG CỘNG			1050	110	19	84	84	16	10	88	72	38	14	26	102	37	82	87	55	12	33	81	1281

Ghi chú:

- Theo đăng ký của huyện/thành phố: Tiêu chí số 17 Môi trường và ATTP có 32 xã đăng ký phấn đấu thực hiện hoàn thành năm 2018, gồm: 9 xã của huyện Chợ Mới (Yên Cư, Yên Hán, Bình Văn, Quảng Chu, Yên Diêu, Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Tân Sơn); 01 xã của huyện Ba Bể (Hà Hiệu); 06 xã của huyện Chợ Đồn (Đông Lạc, Ngọc Phái, Yên Thương, Đông Viên, Phong Huân, Lương Bằng); 02 xã của huyện Ngân Sơn (Văn Tùng, Bằng Văn); 01 xã của thành phố Bắc Kạn (Dương Quang); 08 xã của huyện Na Rì (Hào Nghĩa, Quang Phong, Lương Hạ, Văn Minh, Ân Tĩnh, Đông Xá, Dương Sơn, Kim Hỷ); 03 xã của huyện Pác Nặm (Bộc Bô, Giáo Hiệu, Nhạn Môn); 02 xã của huyện Bạch Thông (Vi Hương, Nguyễn Phúc)

Biểu 02:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 19 TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 165 /KH-UBND ngày 28/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn)



STT	Nội dung	Lý kế số xã đạt tiêu chí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018	
			Số xã đăng ký tăng thêm (xã)	Lũy kế số xã đạt đến hết năm 2018
I	Xã đạt tiêu chí nông thôn mới			
1	Xã đạt tiêu chí số 1	110	0	110
2	Xã đạt tiêu chí số 2	19	8	27
3	Xã đạt tiêu chí số 3	84	9	93
4	Xã đạt tiêu chí số 4	84	5	89
5	Xã đạt tiêu chí số 5	16	11	27
6	Xã đạt tiêu chí số 6	10	8	18
7	Xã đạt tiêu chí số 7	88	4	92
8	Xã đạt tiêu chí số 8	72	11	83
9	Xã đạt tiêu chí số 9	38	16	54
10	Xã đạt tiêu chí số 10	14	7	21
11	Xã đạt tiêu chí số 11	26	8	34
12	Xã đạt tiêu chí số 12	102	5	107
13	Xã đạt tiêu chí số 13	37	23	60
14	Xã đạt tiêu chí số 14	82	5	87
15	Xã đạt tiêu chí số 15	87	6	93
16	Xã đạt tiêu chí số 16	55	26	81
17	Xã đạt tiêu chí số 17	12	32	44
18	Xã đạt tiêu chí số 18	33	32	65
19	Xã đạt tiêu chí số 19	81	15	96
II	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	9	8	17
III	Bình quân số tiêu chí đạt /xã	9,55	2,10	11,65



Nội dung

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH NĂM 2018

Kế hoạch số 165 /KH-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch huy động nguồn lực năm 2018									
		H. Na Ri	TP. Bắc Kạn	H. Ba Bể	H. Chợ Mới	H. Pác Nặm	H. Chợ Đồn	H. Ngân Sơn	H. Bạch Thông	các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Tổng
	Tổng cộng	56.100	13.796	56.574	29.940	34.216	58.575	42.550	37.554	15.665	344.969
1	Vốn đầu tư trực tiếp cho chương trình	31.832	10.255	29.375	16.121	23.521	36.353	21.727	22.243	15.665	207.092
1.1	Ngân sách trung ương	27.468	1.825	23.985	13.021	18.721	19.602	15.556	16.857	15.665	152.700
	Vốn đầu tư phát triển	24.548	680	20.460	9.196	13.981	16.697	12.616	12.722		110.900
	Vốn sự nghiệp	2.920	1.145	3.525	3.825	4.740	2.905	2.940	4.135	15.665	41.800
1.2	Ngân sách địa phương các cấp	4.364	8.430	5.390	3.100	4.800	16.751	6.171	5.386		54.392
	Ngân sách cấp tỉnh	3.000	4.500	2.750	1.800	4.800	2.900	4.400	1.900		26.050
	Ngân sách cấp huyện	364	580	840	0	0	11.222	500	700		14.206
	Ngân sách cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	86		86
	Nguồn xổ số kiến thiết	1.000	3.350	1.800	1.300		2.629	1.271	2.700		14.050
2	Vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn	11.947	2.850	21.744	10.919	7.664	13.664	15.823	10.247		94.857
3	Vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX, tổ chức kinh tế khác trên địa bàn	0	0	0	0	0	0	0	78		78
4	Huy động từ nhân dân (đất đai, ngày công quy tiền...)	12.321	691	5.455	2.900	3.031	8.558	5.000	4.936		42.892
5	Huy động khác	0	0	0	0	0	0	0	50		50

Ghi chú:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Bao gồm vốn cân đối ngân sách tỉnh thực hiện giáo dục đào tạo và vốn sự nghiệp kinh tế tỉnh hỗ trợ 8 xã xây dựng nông thôn mới tại QĐ số 2088/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh

- Nguồn xổ số kiến thiết: Theo QĐ số 2088/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh